

Lý thuyết môn Ngữ văn 9 bài: Chị em Thúy Kiều

1/ Tìm hiểu chung

a/ Tác giả

- Nguyễn Du sinh năm 1765 mất năm 1820.
- Tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên.
- Quê quán: làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
- Cuộc đời
- + Ông sinh trưởng trong gia đình đại quý tộc có truyền thống khoa bảng và sáng tạo nghệ thuật.
- + Ông sống trong thời đại đau khổ, bế tắc và nhiều biến động.
- + Ông là người có hiểu biết sâu rộng, có vốn sống phong phú, Nguyễn Du đã sống nhiều năm lưu lạc tiếp xúc với nhiều cảnh đời và thân phận con người trong thời đại loạn lạc, đau bể.
- + Sự nghiệp văn học của Nguyễn Du rất phong phú và đồ sộ.

b/ Tác phẩm

- Ông có ba tập thơ chữ Hán với 243 bài, sáng tác chữ Nôm xuất sắc nhất là “Truyện Kiều”.
- Đoạn trích được trích trong tác phẩm Truyện Kiều, được viết bằng chữ Nôm.
- Đoạn trích nằm ở phần đầu tác phẩm, Đoạn giới thiệu những người trong gia đình Kiều, tác giả tập trung tả tài sắc Thúy Kiều.

c/ Bố cục: 3 phần.

- Phần 1: 4 câu đầu: Giới thiệu vẻ đẹp chung của chị em Thúy Kiều
- Phần 2: 4 câu còn lại: Vẻ đẹp của Thúy Vân

- Phần 3: 12 câu tiếp: Miêu tả chân dung Thúy Kiều

2/ Đọc hiểu văn bản

a/ Vẻ đẹp chung của hai chị em Thúy Kiều

- “*Tổ Nga*”: cô gái đẹp.
- “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần*”: hình ảnh ước lệ vẻ đẹp thanh cao, duyên dáng, trong trắng.
- “*Mười phân vẹn mười*”: khái quát vẻ đẹp chung và vẻ đẹp riêng “*mỗi người một vẻ*”.
- Bút pháp nghệ thuật ước lệ, gợi tả, so sánh, ẩn dụ để nói lên vẻ đẹp của con người.
- Thành ngữ “*Mười phân vẹn mười*”: chỉ vẻ đẹp hoàn mỹ.

⇒ Cách giới thiệu ngắn gọn làm nổi bật vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng đạt tới độ hoàn mỹ của hai chị em.

b/ Vẻ đẹp Thúy Vân

- “*Trang trọng*”: gợi sự cao sang, quý phái.
- Miêu tả Thúy Vân với các đường nét:
 - “*Khuôn trăng đầy đặn*”: khuôn mặt tròn trĩnh, phúc hậu.
 - “*Mây thua nước tóc*”: mái tóc mềm mại.
 - “*Tuyết nhường màu da*”: làn da trắng, mịn màng.
 - “*Hoa cười, ngọc thốt đoan trang*”: nụ cười như hoa, giọng nói nhỏ nhẹ, nghiêm trang, đúng đắn.
- Sử dụng điển cố, điển tích, bút pháp tượng trưng ước lệ đến những thứ cao đẹp của thiên nhiên “*trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc*” để miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân.

⇒ Bút pháp nghệ thuật ước lệ, miêu tả chi tiết, thủ pháp liệt kê, so sánh, ẩn dụ: Vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu, quý phái - hài hòa êm đềm với xung quanh, dự cảm cuộc đời bình lặng, suôn sẻ.

c/ Vẻ đẹp của Thúy Kiều

- Về nhan sắc

- + Sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn.
- + Không miêu tả tỉ mỉ, chỉ tập trung đặc tả đôi mắt.
- + "*Làn thu thủy*": đôi mắt đẹp trong sáng như nước mùa thu.
- + "*Nét xuân sơn*" : lông mày đẹp, thanh thoát như nét núi mùa xuân.
- + "*Một hai nghiêng nước nghiêng thành*" : điển cố (thành ngữ)

→ Vẻ đẹp của một tuyệt thế giai nhân. Bút pháp ước lệ, tượng trưng đặc tả vẻ đẹp của đôi mắt, cách dùng thành ngữ: Vẻ đẹp trẻ trung, tươi tắn, đầy sức sống.

- Về tài năng

- + Thông minh trời phú.
- + Thúy Kiều biết cầm (đàn hay), kì (đánh cờ giỏi), thi (tài làm thơ), hoạ (tài vẽ tranh đẹp).
- + Đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm phong kiến.
- + Sở trường, năng khiếu là tài đánh đàn và tự sáng tác nhạc vượt lên trên mọi người "*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương*".
- + "*Thiên bạc mệnh*": do Kiều sáng tác ghi lại tiếng lòng một trái tim đa sầu đa cảm.

→ Kiều đẹp toàn diện cả nhan sắc, tài năng, tâm hồn. Dự đoán số phận éo le, đau khổ, bất hạnh. Tác giả sử dụng biện pháp liệt kê, lớp từ ngữ có tính tuyệt đối: ăn đứt, nghề riêng, vốn sẵn,...tả cái tài để ca ngợi cái tâm của nàng.

3/ Bài tập minh họa

Đề bài: Phân tích Chị em Thúy Kiều trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

1/ Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Nội dung đoạn trích, Vẻ đẹp tài năng của hai chị em Thúy Kiều.

2/ Thân bài

- Khái quát vẻ đẹp của Thúy Vân được Nguyễn Du miêu tả chi tiết từ khuôn mặt, chân mày, miệng cười, giọng nói, mái tóc, làn da và chỉ dành 4 câu để nói đến vẻ đẹp của nàng.

- Tác giả sử dụng cách gọi tả, với điển cố, điển tích trong đoạn trích.

- Miêu tả về nàng Kiều tác giả không chỉ nói đến tài năng mà còn đề cao vẻ đẹp tâm hồn của nàng.

- "*Kiều càng sắc sảo mặn mà, So về tài sắc lại là phần hơn*": Nghệ thuật đòn bẩy, Nguyễn Du miêu tả Thúy Vân trước làm nền để từ đó khẳng định vẻ đẹp của Kiều. Kiều sắc sảo cả về trí tuệ và mặn mà về tâm hồn.

- Nguyễn Du sử dụng ước lệ gọi tả nhan sắc Kiều.

+ "*Làn thu thủy nét xuân sơn*", "*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*".

+ Nghệ thuật đặc tả theo lối "*điểm nhãn*": về hồn của chân dung.

+ "*Làn thu thủy*": hình ảnh ẩn dụ gợi đôi mắt long lanh, sâu thẳm như làn nước mùa thu.

+ "*Nét xuân sơn*": đôi chân mày thanh tú như nét núi mùa xuân.

⇒ Nàng Kiều hiện lên với vẻ đẹp "*hoa ghen*" vì mình không thắm, không tươi bằng nàng, "*liễu hờn*" vì kém xanh, kém sức sống hơn Kiều. Vẻ đẹp của nàng là vẻ đẹp tuyệt thế giai nhân.

- Tạo hóa không chỉ ban cho nàng có sắc đẹp mà còn cho nàng trí thông minh.

+ "*Thông minh vốn sẵn tính trời*"

+ Tài năng của nàng đạt đến mức lí tưởng theo quan niệm phong kiến: cầm, kì, thi, họa.

+ Tài làm thơ của nàng khiến nhiều người khâm phục.

+ Tài chơi đàn của nàng vượt trội hơn cả "*lầu bạc ngũ âm*".

⇒ Chân dung Thúy Kiều mang tính cách số phận. Vẻ đẹp nghiêng nước, nghiêng thành của Thúy Kiều khiến cho tạo hóa phải ghen ghét. Tài hoa, trí tuệ và tâm hồn đa sầu, đa cảm khiến nàng khó tránh khỏi định mệnh nghiệt ngã. Nguyễn Du báo trước số phận Kiều sẽ chịu nhiều éo le, đau khổ vì "*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*".

⇒ Tác giả ca ngợi vẻ đẹp Thúy Kiều, trân trọng đề cao giá trị phẩm giá con người như: Nhan sắc, tài hoa, phẩm hạnh đồng thời thương cảm cho số phận tài hoa nhưng bạc mệnh.

3/ Kết bài

- Bằng nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc vừa mang nét truyền thống vừa có những nét sáng tạo riêng.
- Nguyễn Du đã thể hiện tình yêu thương con người đặc biệt đối với người phụ nữ.
- Liên hệ với người phụ nữ ngày nay.

Mời bạn đọc tham khảo thêm nhiều tài liệu ôn tập Ngữ văn lớp 9 khác như:

Lý thuyết Ngữ văn 9: <https://vndoc.com/ly-thuyet-ngu-van-9>

Tác giả - tác phẩm Ngữ văn 9: <https://vndoc.com/tac-gia-tac-pham-ngu-van-9>

